

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2025

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Quang;
2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS 28 tháng 4 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1978.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim O, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Xóm B, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh T đề nghị xét xử vắng mặt, chị O vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại "C:\\Users\\Admin\\Downloads\\2" \o "Đơn"Đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2024, Bản tự khai ngày 18/03/2025, Biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/04/2024, nguyên đơn - anh Ngô Thanh T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Kim O tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống

với nhau, tính tình không hợp nhau nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trần Thị Kim O.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 02/02/2006 và cháu Ngô Minh Đ, sinh ngày 04/01/2016. Khi ly hôn, anh Ngô Thanh T thay đổi yêu cầu và đồng ý với ý kiến của chị O, giao cháu Ngô Minh Đ cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con. Cháu L đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trình bày không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19 tháng 02 năm 2025, chị Trần Thị Kim O trình bày: Chị không đồng ý ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con Ngô Minh Đ. Chị O không trình bày về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Thanh T, cho anh T được ly hôn với chị Trần Thị Kim O; giao con Ngô Minh Đ, sinh ngày 04/01/2016 cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 02/02/2006, hiện nay đã trên 18 tuổi, tự nuôi sống bản thân. Án phí đề nghị Tòa án tuyên buộc theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Ngô Thanh T và chị Trần Thị Kim O tự nguyện tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại UBND xã N và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 10 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc và không cùng nhau chia sẻ công việc, xây dựng gia đình, trên thực tế tình nghĩa vợ chồng không còn. Tòa án mở phiên hòa giải đề anh chị hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng chị O không có mặt. Như vậy, đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T, anh T được ly hôn với chị O.

[2.3] Xét thấy anh T, chị O có con chung là Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 02/02/2006 và Ngô Minh Đ, sinh ngày 04/01/2016. Cháu L đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra vấn đề chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc. Đối với con Đ, chị O trình bày có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đ, anh T đồng ý, con Đ cũng trình bày có nguyện vọng sinh sống với chị O là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, giao con Ngô Minh Đ, sinh ngày 04/01/2016 cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Anh T trình bày không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân Hôn nhân và gia đình.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Thanh T

- Anh Ngô Thanh T được ly hôn với chị Trần Thị Kim O.
- Con Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 02/02/2006 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân.
- Giao con Ngô Minh Đ, sinh ngày 04/01/2016 cho chị Trần Thị Kim O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.
- Anh Ngô Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi có lý do chính đáng, chị O, anh T có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Ngô Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp theo biên thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000301 ngày 19/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Anh T đã thực hiện xong.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

